

CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC:

MỘT SỐ Ý KIẾN TRAO ĐỔI VỀ HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VÔ HIỆU

Luật gia Từ Minh Liên

Thời gian qua, trong hoạt động công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh ta đã xảy ra một số hợp đồng, giao dịch tuy đã được công chứng, chứng thực nhưng phát hiện sai sót dẫn đến nguy cơ hợp đồng, giao dịch đó bị vô hiệu. Tuy nhiên, căn cứ để xác định hợp đồng, giao dịch đó có bị vô hiệu hay không, cơ quan nào có thẩm quyền tuyên hợp đồng, giao dịch đó là vô hiệu, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch và người đã thực hiện công chứng, chứng thực như thế nào... là những vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau.

Theo quy định tại điều 116 Bộ luật Dân sự (BLDS) 2015 quy định: Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Từ quy định tại điều luật này có thể xác định: kết quả của việc xác lập giao dịch dân sự là làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự. Giao dịch dân sự là một sự kiện pháp lý (hành vi pháp lý đơn phương hoặc đa phương – một bên hoặc nhiều bên) làm phát sinh hậu quả pháp lý. Tùy từng giao dịch cụ thể mà làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự. Giao dịch dân sự là hành vi mang tính ý chí của chủ thể tham gia giao dịch, với những mục đích và động cơ nhất định.

Điều 117 BLDS 2015 quy định điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự như sau: Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập; chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định; các trường hợp khác do Bộ luật này quy định.

So với quy định về giao dịch dân sự vô hiệu tại BLDS 2005, BLDS 2015 có bổ sung thêm cụm từ “trừ trường hợp Bộ luật này có quy định khác”. Đây là quy định cần thiết, bởi lẽ các quy định về điều kiện có hiệu lực của BLDS để áp dụng cho đa số các trường hợp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Tuy nhiên, thực tế, cho thấy một số giao dịch có thể thiếu điều kiện quy định tại Điều 117 BLDS 2015 nhưng vẫn không vô hiệu. Chẳng hạn như quy định tại điểm a khoản 2 Điều 125 BLDS 2015, giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người đó thì không bị xem là giao dịch dân sự vô hiệu. Từ đó, các trường hợp giao dịch bị vô hiệu có thể được phân thành hai nhóm chính: Vô hiệu tuyệt đối (hay còn gọi là vô hiệu đương nhiên) và vô hiệu tương đối (hay còn gọi là vô hiệu bị tuyên). Sự phân loại nêu trên dựa vào một số đặc điểm thể hiện bản chất của hai khái niệm giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối và vô hiệu tương đối:

Thứ nhất, đó là sự khác biệt về trình tự vô hiệu của giao dịch. Giao dịch dân sự vô hiệu thì mặc nhiên bị coi là vô hiệu. Còn đối với các giao dịch vô hiệu tương đối thì không mặc nhiên vô hiệu mà chỉ trở nên vô hiệu khi có đơn yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan và bị toà án tuyên bố vô hiệu.

Thứ hai, đó là sự khác biệt về thời hạn yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu. Đối với các giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối thì thời hạn yêu cầu toà án tuyên bố giao dịch vô hiệu không bị hạn chế. Còn đối với các giao dịch dân sự vô hiệu tương đối thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu toà án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là hai năm kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập (Điều 132 BLDS 2015).

Thứ ba, giao dịch dân sự thuộc trường hợp vô hiệu tuyệt đối có thể bị vô hiệu không phụ thuộc vào quyết định của toà án mà đương nhiên không có giá trị, vì giao dịch vi phạm pháp luật nghiêm trọng cho nên Nhà nước không bảo hộ. Còn đối với giao dịch dân sự vô hiệu tương đối thì quyết định của toà án là cơ sở làm cho giao dịch trở nên vô hiệu.

Thứ tư, đó là sự khác biệt về mục đích. Các trường hợp pháp luật quy định giao dịch vô hiệu tuyệt đối nhằm mục đích bảo vệ các lợi ích công (lợi ích của Nhà nước, của xã hội nói chung). Còn các trường hợp pháp luật quy định vô hiệu tương đối là nhằm mục đích bảo vệ lợi ích cho chính các chủ thể tham gia giao dịch.

Các trường hợp giao dịch dân sự bị coi là vô hiệu tuyệt đối gồm có:

- *Giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội (Điều 123 Bộ luật dân sự 2015)*: Giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu. Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định. Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng. Tài sản giao dịch và lợi tức thu được có thể bị tịch thu, sung quỹ nhà nước.

- *Giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo (Điều 124 BLDS 2015)*: Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan. Trường hợp xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu.

- *Giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức (Điều 129 BLDS 2015)*: Theo nguyên tắc chung thì các chủ thể được tự do lựa chọn hình thức của giao dịch. Chỉ những giao dịch pháp luật quy định bắt buộc phải thể hiện bằng văn bản, phải có chứng thực, chứng nhận, đăng kí hoặc xin phép mà các bên không tuân thủ quy định này mới bị vô hiệu. Tuy nhiên, giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó; Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng

vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó (trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực).

Các trường hợp giao dịch dân sự bị coi là vô hiệu tương đối bao gồm:

- *Giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện (Điều 125 BLDS 2015):* theo yêu cầu của người đại diện của người đó, Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu theo quy định của pháp luật giao dịch này phải do người đại diện của họ xác lập, thực hiện hoặc đồng ý (trừ những trường hợp: Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người đó; Giao dịch dân sự chỉ làm phát sinh quyền hoặc chỉ miễn trừ nghĩa vụ cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự với người đã xác lập, thực hiện giao dịch với họ; Giao dịch dân sự được người xác lập giao dịch thừa nhận hiệu lực sau khi đã thành niên hoặc sau khi khôi phục năng lực hành vi dân sự).

- *Giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn (Điều 126 BLDS 2015):* Trường hợp giao dịch dân sự được xác lập có sự nhầm lẫn làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích của việc xác lập giao dịch thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu (trừ trường hợp giao dịch dân sự được xác lập có sự nhầm lẫn nhưng mục đích xác lập giao dịch dân sự của các bên đã đạt được hoặc các bên có thể khắc phục ngay được sự nhầm lẫn làm cho mục đích của việc xác lập giao dịch dân sự vẫn đạt được).

- *Giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép (Điều 127 BLDS 2015):* Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.

- *Giao dịch dân sự vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình (Điều 128 BLDS 2015):* Người có năng lực hành vi dân sự nhưng đã xác lập giao dịch vào đúng thời điểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.

Như vậy, chúng ta thấy các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự là một thể thống nhất trong mối quan hệ biện chứng. Do đó, khi xem xét một giao dịch phải đặt trong tổng thể của mối quan hệ biện chứng này. Nếu giao dịch vô hiệu từng phần mà không ảnh hưởng đến các phần khác thì chỉ phần vô hiệu không có hiệu lực, các phần còn lại vẫn có hiệu lực thi hành. Đây là một trong những nội dung quan trọng để xác định hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu.

Về thời hiệu yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu, Điều 132 BLDS 2015 quy định: Thời hạn tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là hai năm, kể từ ngày

giao dịch được xác lập đối với các giao dịch dân sự được xác lập do người không đủ năng lực hành vi; do nhầm lẫn; do bị đe dọa, lừa dối; do không tuân thủ các quy định bắt buộc về hình thức. Tuy nhiên đối với trường hợp vô hiệu do không tuân thủ các quy định bắt buộc về hình thức thì toà án xem xét và “buộc các bên thực hiện quy định về hình thức của giao dịch trong một thời hạn nhất định”. Việc ấn định thời hạn do toà án quyết định căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể. Việc buộc các bên phải thực hiện và đưa ra thời hạn thực hiện quy định về hình thức của giao dịch thuộc thẩm quyền và là nghĩa vụ của toà án. Chỉ khi các bên trong giao dịch không thực hiện và hoàn tất các quy định về hình thức của giao dịch trong thời hạn do toà án quyết định thì giao dịch mới vô hiệu. Những giao dịch vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; do giả tạo thời hạn tuyên bố giao dịch vô hiệu không bị hạn chế.

Nhìn chung, BLDS năm 2015 đã có cách tiếp cận rất mới, tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng hơn, ổn định hơn trong giao lưu dân sự, thúc đẩy sự phát triển của quan hệ sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế thị trường hạn chế sự không thiện chí của các bên trong giao dịch dân sự. Đồng thời việc quy định rõ các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của các giao dịch dân sự vô hiệu góp phần đảm bảo hiệu quả thực thi của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan./